

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban điều hành Công ty</b>	2 – 4
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	5 - 6
<b>Báo cáo Tài chính đã được soát xét:</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 28

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45 – 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 – 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên
Ông Lê Văn Bình	Thành viên

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Hà	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2023
Ông Vũ Minh Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45 – 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Bình

Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Trần Mạnh Sơn.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45 – 50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**Cam kết khác**

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**TM. Ban điều hành**  
**Chủ tịch HĐQT**  
**Đại diện theo pháp luật**



**Trần Mạnh Sơn**





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số ~~427~~/BCKT-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

Chúng tôi, công ty TNHH Kiểm toán TTP đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng

yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Theo thuyết minh số V.10: Công ty đã nhận chuyển nhượng dự án Khu du lịch khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng từ 16/09/2021. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán đơn vị vẫn chưa hoàn tất được thủ tục chuyển quyền sở hữu từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai sang tên Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Trần Tuấn Ninh**  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán : 3964-2022-133-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>140.361.060.858</b>	<b>149.650.262.471</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>6.262.149.045</b>	<b>13.838.870.753</b>
1. Tiền	111		6.262.149.045	12.538.870.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.287.568.305</b>	<b>16.133.212.751</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	15.003.475.465	2.116.310.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5a	1.283.012.840	14.015.254.440
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	14.001.080.000	1.648.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>103.649.368.214</b>	<b>119.546.988.978</b>
1. Hàng tồn kho	141		103.649.368.214	119.546.988.978
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>161.975.294</b>	<b>131.189.989</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8a	-	6.684.166
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		161.975.294	124.505.823
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>79.292.274.661</b>	<b>69.409.425.613</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.100.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5b	10.100.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>801.044.351</b>	<b>980.797.625</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	801.044.351	980.797.625
- Nguyên giá	222		2.108.893.819	2.108.893.819
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.307.849.468)	(1.128.096.194)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>68.381.500.000</b>	<b>68.381.500.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		68.381.500.000	68.381.500.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.730.310</b>	<b>47.127.988</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8b	9.730.310	47.127.988
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>219.653.335.519</b>	<b>219.059.688.084</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023  
 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.047.063.131</b>	<b>503.847.188</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.047.063.131</b>	<b>503.847.188</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	848.847.736	12.331.161
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		145.903.970	150.218.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	29.927.425	210.097.927
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	-	100.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	22.384.000	31.200.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>218.606.272.388</b>	<b>218.555.840.896</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>218.606.272.388</b>	<b>218.555.840.896</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		217.124.400.000	217.124.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		217.124.400.000	217.124.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.769.180.000)	(1.769.180.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.251.052.388	3.200.620.896
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.200.620.896	3.199.512.944
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.431.492	1.107.952
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>219.653.335.519</b>	<b>219.059.688.084</b>

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Sơn

Chủ tịch HĐQT  
 Đại diện theo pháp luật  
  
 Trần Mạnh Sơn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	41.830.095.476	66.944.447.499
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	41.830.095.476	66.944.447.499
4. Giá vốn hàng bán	11	18	40.068.740.392	61.737.456.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.761.355.084	5.206.990.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	33.819.838	8.232.275
7. Chi phí tài chính	22	20	-	1.372.947.966
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			-	1.372.947.966
8. Chi phí bán hàng	24	23	829.558.477	830.130.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	899.986.058	1.454.271.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		65.630.387	1.557.874.104
11. Thu nhập khác	31	21	6.740	251.800
12. Chi phí khác	32	22	278.210	444.174
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(271.470)	(192.374)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		65.358.917	1.557.681.730
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	14.927.425	311.625.181
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		50.431.492	1.246.056.549
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2,32	109,04

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn





**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thùy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**Phương pháp gián tiếp  
6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.358.917	1.557.681.730
2. Điều chỉnh cho các khoản		145.933.436	1.544.468.965
- Khấu hao tài sản cố định	02	179.753.274	179.753.274
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(33.819.838)	(8.232.275)
- Chi phí lãi vay	06	-	1.372.947.966
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	211.292.353	3.102.150.695
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(24.291.825.025)	(8.290.319.492)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	15.897.620.764	(73.629.162.808)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	639.496.445	383.390.609
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	44.081.844	97.468.435
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(201.204.384)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(111.207.927)	(708.235.478)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(628.175.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.610.541.546)	(79.874.087.639)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.819.838	8.232.275
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	33.819.838	8.232.275
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		80.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	80.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.576.721.708)	134.144.636
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.838.870.753	3.359.852.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.262.149.045	3.493.996.672

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Ngọc Sơn

Trần Ngọc Sơn





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận và được đọc cùng báo cáo Tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 – 50B, đường Thùy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 30/06/2023 là: 21 nhân viên.

Vốn điều lệ của công ty là 217.124.400.000 đồng tương đương 21.712.440 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000VND/CP.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết Bán lẻ vàng bạc, đá quý và đá bán quý trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động mua, bán vàng miếng)
- Sản xuất kim loại quý và kim loại màu. Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán vàng trang sức mỹ nghệ
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan. Chi tiết: Sản xuất đá quý và bán đá quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán quý tái phục hồi và nhân tạo, làm kim cương
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ
- Bán buôn tổng hợp: Bán buôn đồ uống. Bán buôn thực phẩm. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ nhà nước cấm). Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### ***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### ***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán***

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **2.3. Công cụ tài chính**

### ***Ghi nhận ban đầu***

#### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### ***Giá trị sau ghi nhận ban đầu***

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **2.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **2.7. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                       |       |
|-----------------------|-------|
| - Phương tiện vận tải | 6 năm |
| - TSCĐ khác           | 3 năm |

### **2.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**



Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### **2.9 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.13. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ



được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **2.15. Doanh thu**

##### **Doanh thu bán hàng**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### **2.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### **2.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.20. Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thùy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày  
30/06/2023

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.083.775.100	611.265.207
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.178.373.945	11.927.605.546
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam</i>	5.136.486.025	11.904.265.762
<i>Các ngân hàng khác</i>	41.887.920	23.339.784
Các khoản tương đương tiền	-	1.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.262.149.045</b>	<b>13.838.870.753</b>

4. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.003.475.465</b>	<b>2.116.310.311</b>
Công ty TNHH Cung Cấp Thực Phẩm An Phát	3.904.493.700	907.500.000
Công ty TNHH Thảo Tiên	9.971.170.464	-
Các đối tượng khác	1.127.811.301	1.208.810.311
<b>Cộng</b>	<b>15.003.475.465</b>	<b>2.116.310.311</b>

5. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.283.012.840</b>	<b>14.015.254.440</b>
Công ty CP Thương mại và XNK G6	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và XNK thực phẩm xanh	-	4.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và XNK Family Food	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long (*)	1.242.472.340	3.000.000.000
Các đối tượng khác	40.540.500	15.254.440
<b>b. Dài hạn</b>	<b>10.100.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Ban Mai (**)	10.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.383.012.840</b>	<b>14.015.254.440</b>

(\*) Đây là khoản ứng trước tiền mua hàng đông lạnh theo Hợp đồng nguyên tắc số 0501/HĐNT-2023 ngày 05/01/2023 giữa Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long và Công ty CP Cencon Việt Nam.

(\*\*) Đây là khoản đặt cọc tiền thuê kho bãi theo Hợp đồng dịch vụ thuê kho - nhà xưởng số 01/2023/HĐ/BM-CEN ngày 20/6/2023 giữa Công ty TNHH Ban Mai và Công ty CP Cencon Việt Nam, tổng giá trị hợp đồng là 21.300.000.000 đồng, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 01/8/2023 đến hết ngày 31/8/2028, mục đích sử dụng đất thuê: làm bãi gửi xe và kho tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu theo Quyết định số 1940/QĐ-TCHD ngày 20/5/2016 của Tổng cục Hải Quan.

6. Phải thu khác	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.001.080.000</b>	<b>-</b>	<b>1.648.000</b>	<b>-</b>
Tạm ứng (*)	14.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.080.000	-	1.648.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.001.080.000</b>	<b>-</b>	<b>1.648.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản tạm ứng cho các cán bộ nhân viên trong công ty để thực hiện dự án Hà Giang, dự án Lào Cai và tìm kiếm thị trường thực phẩm đông lạnh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày

30/06/2023

**7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	103.649.368.214	-	119.546.988.978	-
Hàng đông lạnh	42.892.648.628	-	55.433.943.152	-
Hàng kim hoàn	60.732.533.586	-	64.061.939.331	-
Hàng hóa khác	24.186.000	-	51.106.495	-
<b>Cộng</b>	<b>103.649.368.214</b>	<b>-</b>	<b>119.546.988.978</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

**8. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	6.684.166
- Công cụ dụng cụ		6.684.166
<b>b. Dài hạn</b>	9.730.310	47.127.988
- Công cụ dụng cụ	9.730.310	29.294.644
- Chi phí khác	-	17.833.344
<b>Cộng</b>	<b>9.730.310</b>	<b>53.812.154</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

(chi tiết xem phụ lục 1)

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	68.381.500.000	68.381.500.000
Dự án khách sạn nhà hàng Lan Huy Hoàng (*)	68.381.500.000	68.381.500.000
<b>Cộng</b>	<b>68.381.500.000</b>	<b>68.381.500.000</b>

(\*) Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng tại phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai theo Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 1609/2021/CNTS - CENCON ngày 16/9/2021. Giá chuyển nhượng đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Nghị quyết số 170/2021/CEN/NQ - HĐQT ngày 16/09/2021.

Dự án có diện tích 10.232m<sup>2</sup> với quy mô : Nhà khách sạn 7 tầng, nhà điều hành, sân tennis, bể bơi, sân vườn bê tông,...

Đến thời điểm 30/06/2023 Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai đang làm việc với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện công tác nghiệm thu công trình theo quy định để hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất của lô đất gắn liền với tài sản công trình Khu du lịch, khách sạn nhà hàng Lan Huy Hoàng cho Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam.

Công ty đã hoàn tất thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng dự án: Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng giữa Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam và được Văn phòng công chứng Lê Thu Hằng, tỉnh Lào Cai - Số nhà 017, Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Bắc Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 12/07/2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày

30/06/2023

11. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>848.847.736</b>	<b>848.847.736</b>	<b>12.331.161</b>	<b>12.331.161</b>
Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn	132.000.000	132.000.000	-	-
Công ty TNHH thực phẩm sạch thương mại T&P	192.000.000	192.000.000	-	-
Chi nhánh Công ty CP Đại Tân Việt tại Hà Nội	415.173.400	415.173.400	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm PATIK	96.121.600	96.121.600	-	-
Các đối tượng khác	13.552.736	13.552.736	12.331.161	12.331.161
<b>Cộng</b>	<b>848.847.736</b>	<b>848.847.736</b>	<b>12.331.161</b>	<b>12.331.161</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT theo PP TT			50.378	50.378	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	111.207.927	14.927.425	111.207.927	-	14.927.425
Thuế Thu nhập cá nhân	-	38.890.000	29.100.000	52.990.000	-	15.000.000
Các loại thuế khác	-	60.000.000		60.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>210.097.927</b>	<b>47.077.803</b>	<b>227.248.305</b>	<b>-</b>	<b>29.927.425</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Khác	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>

**14. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.384.000</b>	<b>31.200.000</b>
Bảo hiểm xã hội	13.056.000	24.862.500
Bảo hiểm y tế	2.304.000	4.387.500
Bảo hiểm thất nghiệp	1.024.000	1.950.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.384.000</b>	<b>31.200.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>114.276.000.000</b>	<b>(1.625.180.000)</b>	<b>3.199.512.944</b>	<b>115.850.332.944</b>
- Tăng vốn trong năm trước	102.848.400.000	(144.000.000)		102.704.400.000
- Lãi trong năm trước			1.107.952	1.107.952
- Chi cổ tức				-
- Giảm khác				-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>217.124.400.000</b>	<b>(1.769.180.000)</b>	<b>3.200.620.896</b>	<b>218.555.840.896</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>217.124.400.000</b>	<b>(1.769.180.000)</b>	<b>3.200.620.896</b>	<b>218.555.840.896</b>
- Tăng vốn trong kỳ này				-
- Lãi trong kỳ này			50.431.492	50.431.492
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>217.124.400.000</b>	<b>(1.769.180.000)</b>	<b>3.251.052.388</b>	<b>218.606.272.388</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày

30/06/2023

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tổ chức, cá nhân	217.124.400.000	217.124.400.000
<b>Cộng</b>	<b>217.124.400.000</b>	<b>217.124.400.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	217.124.400.000	114.276.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	217.124.400.000	114.276.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.712.440	21.712.440
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.712.440	21.712.440
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.712.440	21.712.440
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

**e. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.712.440	21.712.440
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.712.440	21.712.440

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng kim hoàn	3.745.869.622	23.621.395.261
- Doanh thu bán hàng hóa khác	38.084.225.854	43.323.052.238
<b>Cộng</b>	<b>41.830.095.476</b>	<b>66.944.447.499</b>

**17. Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu thuần bán hàng kim hoàn	3.745.869.622	23.621.395.261
- Doanh thu thuần bán hàng hóa khác	38.084.225.854	43.323.052.238
<b>Cộng</b>	<b>41.830.095.476</b>	<b>66.944.447.499</b>

**18. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn hàng kim hoàn	3.758.614.745	23.229.542.102
- Giá vốn hàng hóa	36.310.125.647	38.507.914.426
<b>Cộng</b>	<b>40.068.740.392</b>	<b>61.737.456.528</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày

30/06/2023

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>19. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, cho vay	33.819.838	8.232.275
<b>Cộng</b>	<b>33.819.838</b>	<b>8.232.275</b>
<b>20. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	-	1.372.947.966
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.372.947.966</b>
<b>21. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập khác	6.740	251.800
<b>Cộng</b>	<b>6.740</b>	<b>251.800</b>
<b>22. Chi phí khác</b>		
- Lãi chậm nộp bảo hiểm, thuế	257.528	393.304
- Khác	20.682	50.870
<b>Cộng</b>	<b>278.210</b>	<b>444.174</b>
<b>23. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân công	546.750.000	650.130.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	282.808.477	180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>829.558.477</b>	<b>830.130.000</b>
<b>24. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu, đồ dùng văn phòng	44.081.844	
- Chi phí nhân công	610.739.058	614.111.184
- Chi phí khấu hao	179.753.274	179.753.274
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.260.000	190.664.739
- Chi phí khác bằng tiền	28.151.882	466.741.979
<b>Cộng</b>	<b>899.986.058</b>	<b>1.454.271.176</b>
<b>25. Chi phí sản xuất theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên, vật liệu	44.081.844	-
- Chi phí nhân công	1.157.489.058	1.264.241.184
- Chi phí khấu hao	179.753.274	179.753.274
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.068.477	370.664.739
- Chi phí khác bằng tiền	28.151.882	466.741.979
<b>Cộng</b>	<b>1.729.544.535</b>	<b>2.284.401.176</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày  
30/06/2023**26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	65.358.917	1.557.681.730
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	9.278.210	444.174
Các khoản điều chỉnh tăng	9.278.210	444.174
- Chi phí không hợp lệ	278.210	444.174
- Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	9.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	74.637.127	1.558.125.904
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.927.425	311.625.181
Thuế TNDN phải nộp	14.927.425	311.625.181

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	50.431.492	1.246.056.549
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	50.431.492	1.246.056.549
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	21.712.440	11.427.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,32	109,04

**28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**29. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.262.149.045	-	13.838.870.753	-	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.004.555.465	-	2.117.958.311	-	
<b>Cộng</b>	<b>35.266.704.510</b>	<b>-</b>	<b>15.956.829.064</b>	<b>-</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	
			<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Vay và nợ			-	-	
Phải trả người bán, phải trả khác			871.231.736	43.531.161	
Chi phí phải trả			-	100.000.000	
<b>Cộng</b>			<b>871.231.736</b>	<b>143.531.161</b>	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.262.149.045			6.262.149.045
Phải thu khách hàng, phải	29.004.555.465	-		29.004.555.465
Các khoản cho vay	-	-		-
Cộng	<u>35.266.704.510</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>35.266.704.510</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày

30/06/2023

**Số đầu năm**

Tiền và các khoản tương đương tiền	13.838.870.753		13.838.870.753
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.117.958.311	-	2.117.958.311
Các khoản cho vay	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.956.829.064</b>	<b>-</b>	<b>15.956.829.064</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	871.231.736	-	-	871.231.736
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>871.231.736</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>871.231.736</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	43.531.161	-	-	43.531.161
Chi phí phải trả	100.000.000	-	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>143.531.161</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>143.531.161</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		Tổng
	Kinh doanh hàng kim hoàn	Kinh doanh khác	
Doanh thu thuần ra bên ngoài	3.745.869.622	38.084.225.854	41.830.095.476
Chi phí bộ phận	3.758.614.745	36.310.125.647	40.068.740.392
Kết quả kinh doanh bộ phận	(12.745.123)	1.774.100.207	1.761.355.084
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			1.729.544.535
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			31.810.549

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày

30/06/2023

Doanh thu hoạt động tài chính	33.819.838
Chi phí tài chính	-
Thu nhập khác	6.740
Chi phí khác	278.210
Thuế TNDN hiện hành	14.927.425
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>50.431.492</b>

**31. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan****a. Thông tin các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Vũ Minh Chính	Thành viên Ban Kiểm soát, miễn nhiệm ngày 26/06/2023

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc		Thù lao HĐQT, BKS		Tiền lương, tiền thưởng	
		VND		VND	
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-		84.480.000	
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT/Giám đốc	6.000.000		-	
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT	6.000.000		-	
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát	-		41.320.000	
Bà Trần Thị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	-		60.480.000	
Ông Vũ Minh Chính	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/06/2023)	3.000.000		-	

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của đơn vị tự lập, chưa được kiểm toán.

Người lập biểu



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Sơn

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2023



Trần Mạnh Sơn



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Lô 45-50B, đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**Phụ lục 1****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá			2.060.748.364	48.145.455	2.108.893.819
Số đầu năm					-
- Mua trong kỳ					-
- Đầu tư hoàn thành					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối kỳ			2.060.748.364	48.145.455	2.108.893.819
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm			1.108.682.700	19.413.494	1.128.096.194
- Khấu hao trong kỳ			171.729.030	8.024.244	179.753.274
- Phân loại lại					-
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối kỳ			1.280.411.730	27.437.738	1.307.849.468
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm			952.065.664	28.731.961	980.797.625
Tại ngày cuối kỳ			780.336.634	20.707.717	801.044.351

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND

- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND.